TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/HNGĐ-ST
Ngày 16-02-2022
V/v ly hôn, tranh chấp
về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Như

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đoàn Thị Hoa;

2. Ông Đào Kim Kinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Ngày 16 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 396/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2021 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Đức H, sinh năm 1974, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 4, phường N, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: Số 120/29/36L đường T, phường 4, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thúy H, sinh năm 1979, nơi cư trú: Tổ 1, phường N, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, địa chỉ liên hệ: Số 57 đường P, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Các đương sự có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11-11-2021, đơn trình bày ngày 29-11-2021 nguyên đơn anh Nguyễn Đức H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Thúy H tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 25-02-2013 tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố Quảng Ngãi. Trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm, suy nghĩ và lối sống. Tuy sống chung nhà nhưng vợ chồng lạnh nhạt, phần ai nấy sống, không quan tâm đến nhau. Mỗi người đều cảm thấy không vui vẻ, hạnh phúc và phải cố gắng chịu đựng nên tâm lý ức chế, không

thể tập trung sinh hoạt, làm việc, cuộc sống hôn nhân ngày càng ngột ngạt. Từ tháng 10/2018, vợ chồng bắt đầu ly thân, đến nay vợ chồng không còn tình cảm, không tôn trọng yêu thương nhau. Anh nhận thấy mâu thuẫn giữa anh và chị H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Nguyễn Thị Thúy H.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Nguyễn Kiều Lâm G, sinh ngày 09-01-2013, hiện nay đang ở với chị H. Khi ly hôn, anh yêu cầu giao con cho chị H trực tiếp nuôi, anh cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai ngày 16-12-2021 bị đơn chị Nguyễn Thị Thúy H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị thống nhất với lời trình bày của anh H và đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị và anh H có 01 con chung là cháu Nguyễn Kiều Lâm G, sinh ngày 09-01-2013, hiện nay đang ở với chị, khi ly hôn, chị đồng ý trực tiếp nuôi con và đồng ý anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn anh Nguyễn Đức H và chị Nguyễn Thị Thúy H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Đức H và chị Nguyễn Thị Thúy H tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường N, thành phố Quảng Ngãi cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 11/2013 ngày 25-02-2013, nên quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Đức H và chị Nguyễn Thị Thúy H là hợp pháp.

Anh Nguyễn Đức H và chị Nguyễn Thị Thúy H đều trình bày quá trình chung sống giữa anh, chị đã xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng về quan điểm, suy nghĩ và lối sống, hai bên không còn quan tâm đến nhau, anh chị đã sống ly thân từ tháng 10/2018. Do đó, có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân giữa anh H và chị H lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh H và cho anh H ly hôn với chị H.

[2.2] Về con chung: Anh H và chị H có 01 con chung là cháu Nguyễn Kiều Lâm G, sinh ngày 09-01-2013. Hiện nay cháu G đang ở chung với chị H. Khi ly hôn, anh H yêu cầu giao cháu G cho chị H trực tiếp nuôi, anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi cháu G đủ 18 tuổi. Phía bị đơn chị H cũng đồng ý với yêu cầu của anh H và nguyện vọng của cháu G cũng muốn được ở với mẹ là chị H. Do đó, Hội đồng xét xử xét áp dụng Điều 58 và Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu G cho chị H trực tiếp nuôi, anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu G mỗi tháng là 1.500.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 03 năm 2022 cho đến khi cháu G đủ 18 tuổi.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Đức H và chị Nguyễn Thị Thúy H đều trình bày không có.

[3] Về án phí: Anh H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Tổng cộng án phí sơ thẩm là 600.000 đồng, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí anh H đã nộp. Anh H còn phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 107; Điều 110; Điều 116, Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Đức H được ly hôn chị Nguyễn Thị Thúy H.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Kiều Lâm G, sinh ngày 09-01-2013 cho chị Nguyễn Thị Thúy H trực tiếp nuôi. Anh Nguyễn Đức H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu G mỗi tháng là 1.500.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 3 năm 2022 cho đến khi cháu G đủ 18 tuổi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Đức H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng. Tổng cộng là 600.000 đồng, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí anh H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000245 ngày 24-11-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi. Anh H còn phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND Tp. Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS Tp. Quảng Ngãi;
- UBND phường N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thanh Như